

Bản án số: 92/2024/DS-ST  
Ngày: 17-09-2024  
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Ngọc Đình.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Võ Kiều Phương;  
Ông Võ Minh Quang.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Thành Công là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa:** Bà Trương Ngọc Trui – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 141/2024/TLST-DS ngày 27 tháng 5 năm 2024 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 114/2024/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 293/2024/QĐST-DS ngày 29 tháng 8 năm 2024, giữa:

*Nguyên đơn:* Bà **Lê Diễm K**, sinh năm 1981 (có đơn xin vắng).

Địa chỉ cư trú: **Ấp B, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

*Bị đơn:* - Ông **Nguyễn Văn C**, sinh năm 1982 (vắng mặt);

- Bà **Tiết Bích T**, sinh năm 1990 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ cư trú: **Ấp A, xã H, huyện N, tỉnh Cà Mau.**

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Nguyên đơn bà **Lê Diễm K** trình bày:*

Năm 2021, Bà **K** cho vợ chồng ông **C** vay 60.000.000 đồng để mua máy sên vuông, khi vay có hứa một tháng rưỡi sẽ trả lại. Đến ngày 14/12/2022 chưa trả nên ông bà có viết giấy cam kết và hứa mỗi tháng trả 1.500.000 đồng, đến khi trả hết nợ. Sau đó ông bà có mượn thêm 5.000.000 đồng, cộng lại là 65.000.000 đồng.

Do phía vợ chồng ông **C** không thực hiện lời hứa, tháng 7 năm 2023 bà **K** khởi kiện đến Tòa án, tại buổi hòa giải của Tòa án đôi bên một lần nữa lập giấy cam kết nợ và số tiền nợ còn lại là 55.000.000 đồng, thỏa thuận mỗi tháng trả 1.000.000 đồng cho đến khi trả hết nợ. Nhưng vợ chồng ông **C** trả được 4.000.000 đồng thì ngưng, nay bà **K** yêu cầu vợ chồng ông **C** thanh toán số tiền còn nợ 51.000.000 đồng.

Bị đơn vợ chồng ông **Nguyễn Văn C** và bà **Tiết Bích T**, Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án hết thời hạn pháp luật quy định đương sự không có văn bản trả lời vụ án.

*Tại phiên tòa:*

Các đương sự vắng mặt không có ý kiến khác.

*Ý kiến Kiểm sát viên:*

- Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về xét xử sơ thẩm nên không có ý kiến.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn buộc vợ chồng bị đơn liên đới thanh toán cho nguyên đơn là 51.000.000 đồng; án phí các đương sự chịu theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

**Về thủ tục tố tụng:**

- Nguyên đơn bà **Lê Diễm K** có đơn xin xét xử vắng mặt, yêu cầu của đương sự phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được chấp nhận.

- Nguyên đơn khởi kiện ghi đúng nơi cư trú của bị đơn ông **Nguyễn Văn C**, bà **Tiết Bích T**. Trước khi Tòa án thụ lý vụ án bị đơn đã thay đổi nơi cư trú không báo địa chỉ mới cho cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định pháp

luật về cư trú làm cho người khởi kiện không biết được nhằm mục đích che giấu địa chỉ, trốn tránh nghĩa vụ đối với người khởi kiện do đó Tòa án thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự và Điều 5, Điều 6 Nghị quyết số 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05 tháng 5 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Tòa án niêm yết công khai giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Văn C và bà Tiết Bích T hợp lệ 02 lần nhưng đương sự vẫn vắng mặt, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bị đơn là có căn cứ.

- *Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn khởi kiện vợ chồng bị đơn yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ, xác định quan hệ pháp luật là: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

### **Về nội dung:**

[1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn thanh toán số tiền còn nợ 51.000.000 đồng, chứng cứ chứng minh là biên nhận ngày 16/8/2023 (bút lục số 34), thấy rằng:

- Tòa án tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn pháp luật quy định bị đơn không có văn bản phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tòa án thu thập hồ sơ vụ án thụ lý tranh chấp trước đây của các đương sự thể hiện: Biên bản hòa giải ngày 04/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, giấy cam kết ngày 16/8/2023 ông C và bà T đã nộp cho Tòa án xác nhận có nợ bà K 55.000.000 đồng và cả hai cùng ký tên xác nhận vào các văn bản nêu trên (bút lục số 39 – 41).

Từ những căn cứ nêu trên có cơ sở khẳng định vợ chồng ông C và bà T còn nợ tiền bà K là có thật, số tiền nợ là 55.000.000 đồng theo biên nhận nhận nợ, nhưng phía bà K xác nhận có trả được 4.000.000 đồng còn nợ 51.000.000 đồng, do đó buộc vợ chồng ông C và bà T liên đới thanh toán toàn bộ cho bà K 51.000.000 đồng là phù hợp.

Chậm thanh toán chịu lãi suất chậm thi hành án.

Về lãi suất đương sự không yêu cầu nên không xem xét.

[2] Về án phí: Vợ chồng ông C phải chịu án phí có giá ngạch 5% đối với phần thực hiện nghĩa vụ cho bà K, án phí phải chịu 2.550.000 đồng.

Bà **K** không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí được hoàn lại.

Ý kiến của Kiểm sát viên là có cơ sở được chấp nhận toàn bộ.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 466 của Bộ luật dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Tuyên xử:*

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà **Lê Diễm K** về việc khởi kiện ông **Nguyễn Văn C** và bà **Tiết Bích T**.

Buộc ông **Nguyễn Văn C** và bà **Tiết Bích T** có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà **Lê Diễm K** 51.000.000 đồng (năm mươi một triệu đồng).

Kể từ ngày nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án trường hợp vợ chồng ông **C**, bà **T** chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng ông bà còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự đối với số tiền chậm thi hành án.

- Về án phí:

+ Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch vợ chồng ông **C**, bà **T** phải chịu 2.550.000 đồng.

+ Bà **K** không phải chịu án phí có nộp tạm ứng án phí 1.275.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0014045 ngày 27/5/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn được nhận lại toàn bộ.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.*

Án xử sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nguyễn Ngọc Đính**